TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HOÁ** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 98/2020/HS - ST
Ngày: 07 - 5- 2020

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN ND THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương Nga

Bà Nguyễn Thị Loan

***- Th□ ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Duy Ninh - Thư ký Tòa án TP Thanh Hoá.

- Đại diện VKSND Thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 100/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2020/QĐXXST - HS ngày 22/4/2020 đối với bị cáo:

Lê Văn H - sinh năm 1994 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: LĐTD; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn D và bà: Lê Thị H2; Vợ: Trần Hà Lan A (đã ly hôn); Tiền án: Ngày 08/02/2018 bị TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; tiền sự: ngày 13/4/2019 bị Công an phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Nhân thân: Năm 2013 bị Công an phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy"; năm 2017 bị Công an phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn xử phạt hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy"; Tạm giữ: 25/12/2019; tạm giam: ngày 28/12/2019 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; "có mặt".

Bị hại:

1. Chị Trần Thị Quỳnh N - SN 2000 "vắng mặt'

Trú tại: xã n, huyện T, tỉnh Nghệ An

2. Chị Cao Thị Tuyết N2 - SN 2000 "vắng mặt"
Trú tại: tiểu khu Đ, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình.
3. Anh Lương Văn L - SN 1993 "vắng mặt"
Trú tại: Đ, phường Đ, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19h30 ngày 23/9/2019, Lê Văn H rủ anh Đỗ Văn H3 (bạn H) đến quán Karaoke P, xã H, thành phố T để hát. Khi đến quán, H và H3 lên phòng hát và yêu cầu 02 nhân viên của quán là chị Trần Thị Quỳnh N và chị Cao Thị Tuyết N2 đến hát cùng. Trong lúc hát, H quan sát thấy chị N2 để chiếc điện thoại Iphone 6 trên ghế tại phòng hát cùng với chiếc túi xách của chị N. H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên đi lại ghế và ngồi gần số tài sản trên. Lợi dụng lúc chị N2, chị N không để ý đến tài sản nên H đã lấy chiếc điện thoại Iphone 6 của chị N2 và lục túi xách của chị N lấy 01 chiếc diện thoại Iphone 6 và 30.000đ (ba mươi nghìn đồng). Sau khi lấy được tài sản, H đi ra khỏi phòng và mang 02 điện thoại trên đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh Nguyễn Bá T ở T, phường B, thành phố T bán được 600.000đ/02 cái. Số tiền trên H tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi mua điện thoại của H, anh T tháo ra lấy linh kiện để sửa chữa, thay thế nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Ngày 01/10/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, đã xác định chiếc điện thoại Iphone 6 của chị Cao Thị Tuyết N2 trị giá 3.116.000đ và chiếc điện thoại Iphone 6 của chị Trần Thị Quỳnh N trị giá 3.060.000đ. Tổng số tiền H trộm cắp là 6.206.000đ, gia đình H đã bồi thường đầy đủ cho bị hại. Chị N2 và chị N không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Ngoài vụ trộm cắp nêu trên, Lê Văn H còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản khác như sau: Khoảng 19h30 ngày 23/11/2019 H gặp và nhờ anh Lương Văn L (bạn H) chở đến làng H, phường Đ, thành phố T. Khi đến đầu ngõ vào làng, do có mục đích chiếm đoạt nên H nói với anh L cho H mượn điện thoại để gọi cho bạn và bảo anh L đứng chờ H. Anh L tin tưởng giao điện thoại Samsung J7 prime cho H. H cầm điện thoại đi vào trong ngõ và mang đi cầm cố tại quán cầm đồ P ở H, phường Đ, thành phố T cho anh Lê Minh P lấy số tiền 1.200.000đ. Số tiền trên H tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 25/12/2019 H đến cơ quan Công an đầu thú về hành vi phạm tội của mình và anh P giao nộp chiếc điện thoại trên cho Cơ quan điều tra.

Ngày 26/12/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, đã xác định chiếc điện thoại Samsung J7 prime của anh L trị giá 2.600.000đ. Anh L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với Đỗ Văn H3 là người đi hát cùng với H nhưng không biết việc H trộm cắp nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Lê Minh P và anh Nguyễn Bá T là người cho H cầm cố điện thoại nhưng anh P và anh T đều không biết tài sản trên là do H phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý. Anh P không yêu cầu H phải bồi thường lại số tiền mua điện thoại.

Tại bản cáo trạng số 95/CT-VKS-KT ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố Lê Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 BLHS.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt đối với tội "Trộm cắp tài sản" từ 15 đến 18 tháng tù và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" từ 12 đến 15 tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội từ 27 đến 33 tháng tù.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiền hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở chứng minh: Ngày 23/9/2019, Lê Văn H đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại quán hát P, xã H, thành phố T của chị Cao Thị Tuyết N2 01 điện thoại Iphon 6 giá trị là 3.116.000đ và của chị Trần Thị Quỳnh N 01

chiếc điện thoại Iphone 6 giá trị 3.060.000đ và 30.000đ tiền mặt. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 6.206.000đ. Ngoài ra, ngày 23/11/2019 bị cáo còn lừa đảo chiếm đoạt chiếc điện thoại di động Samsung J7 của anh Lương Văn L trị giá 2.600.000đ.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Lê Văn H có đủ các dấu hiệu cấu thành tội " Trộm cắp tài sản", tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án:

Đối với tội trộm cắp tài sản: Lợi dụng chủ sở hữu tài sản sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã nhanh chóng lén lút chiếm đoạt tài sản.

Đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại, bị cáo đã dùng lời nói gian dối để nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại.

Mặc dù, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm đến trật tự trị an nói chung mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân nói riêng, do đó cần đ- ợc xử lý nghiêm minh.

[4] Nhân thân và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo nhân thân xấu, đã bị cải tạo, giáo dục nhiều lần nhưng vẫn tiếp tục phạm tội. Do bị cáo có 01 tiền án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Với nhân thân và tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi áp dụng hành phạt cần căn cứ điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì tại các cơ quan pháp luật bị cáo thành khẩn khai báo, đã bồi thường thiệt hại và đầu thú.

Do khi xét xử lần này bị cáo phạm 02 tội nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội. Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Cao Thị Tuyết N2, chị Trần Thị Quỳnh N đã nhận đủ số tiền bồi thường. Anh Lương Văn L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm nên công nhận phần dân sự giữa bị cáo và chị N2, chị N, anh Lương đã được giải quyết xong.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 BLHS. Khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn H phạm tội " Trộm cắp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Xử phạt: Lê Văn H 12 (mười hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 27 (hai bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 25/12/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận phần dân sự giữa bị cáo và chị Trần Thị Quỳnh N, chị Cao Thị Tuyết N2, anh Lương Văn L đã được giải quyết xong.

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án đối với khoản tiền án phí theo quy định tại các điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thủy

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh TH
- Lưu hồ sơ.